



Review Article

Fostering Research Integrity in Social Sciences: Basic Understanding and Policy Recommendations

Dang Hoang Thanh Lan*

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 01 September 2021

Revised 17 October 2021; Accepted 19 October 2021

Abstract: There are numerous definitions of "Research Integrity", but we chose a definition that indicates the role of institutional environment and policies in ensuring fairness and honesty in research activities. This article is an overview of the historical context and current needs to build workable policies on research integrity. Core values, common actions of compliance and violations in practicing research integrity will also be presented. Besides synthesizing basic knowledge of these matters, we propose to use responsive regulatory theory to develop sanctions policies. The application of this theoretical framework is shown in a specific example, the University of Leicester's regulations on plagiarism. Principles of the responsive regulatory theory are expected to be applicable for other research misconducts.

Keywords: Research integrity, research misconduct, sanctions policy, responsive regulatory theory.

* Corresponding author.

E-mail address: landht@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4355>

Thúc đẩy liêm chính nghiên cứu trong khoa học xã hội: Một số khái niệm cơ bản và gợi ý chính sách

Đặng Hoàng Thanh Lan*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 9 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 17 tháng 10 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 10 năm 2021

Tóm tắt: Có nhiều hướng định nghĩa về “Liêm chính nghiên cứu”, song chúng tôi lựa chọn một định nghĩa thể hiện vai trò của môi trường thiết chế, chính sách đối với việc đảm bảo tính công bằng, chân thật trong hoạt động nghiên cứu. Bài viết này là một cái nhìn tổng quát về bối cảnh lịch sử, đòi hỏi hiện thời đối với việc xây dựng các chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy liêm chính nghiên cứu; Là sự giới thiệu những giá trị, hành vi liêm chính cũng như bất liêm chính phổ biến trong các hoạt động nghiên cứu. Từ cái nhìn phổ quát này, nhằm áp dụng một giải pháp quan trọng là xây dựng chế tài xử lý vi phạm, chúng tôi tiếp tục thu hẹp tới đề xuất mô hình lý thuyết điều chỉnh đáp ứng. Sự áp dụng của mô hình lý thuyết này trong thực tế được thể hiện trong ví dụ cụ thể: quy trình xử lý đạo văn của trường Đại học Leicester với quy trình 4 bậc vi phạm – phản ứng. Nguyên tắc xây dựng mô hình điều chỉnh đáp ứng này được mong đợi là có thể áp dụng cho cả các hành vi bất liêm chính khác trong nghiên cứu.

Từ khóa: Liêm chính nghiên cứu, chế tài xử lý vi phạm, lý thuyết điều chỉnh đáp ứng.

1. Khái niệm

Có nhiều chiến lược khác nhau khi định nghĩa nội hàm của “liêm chính nghiên cứu”. Chẳng hạn, một số tác giả đặt sự quan tâm tới gốc nghĩa của từ. “Liêm chính” là một từ có gốc tiếng Latin, “integer”, có nghĩa là trạng thái hoặc tính chất hoàn thiện, nguyên vẹn [1]. Nhiều tác giả quan tâm tới nghĩa gốc này và phát triển nó lên. Chẳng hạn, theo Maak (2008) [2], để giữ được tính toàn vẹn của liêm chính nghiên cứu, cần quan tâm tới 7 khía cạnh (được gọi là "7 Cs") bao gồm: cam kết (commitment), tư cách (conduct), nội dung (content), bối cảnh (context),

nhất quán (consistency), tính gắn kết (coherence) và liên tục (continuity).

Một xu hướng định nghĩa phổ biến khác đó là định nghĩa “Liêm chính nghiên cứu đơn giản là sự công bằng và trung thực trong việc đề xuất, thực hiện và báo cáo nghiên cứu hoặc làm đúng và nói sự thật về những gì bạn đã làm”. Tuy nhiên cách định nghĩa này được cho rằng chưa được trọn vẹn do nó mới nhấn mạnh tới khía cạnh trách nhiệm của cá nhân mà thiếu bao hàm trách nhiệm của cả thiết chế, chính sách [3]. Từ đó, nhóm các tác giả Khanyile cùng cộng sự đã đề xuất một định nghĩa khác của Bolton (2002) [4]. Định nghĩa này cũng chính là định nghĩa mà

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: landht@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4355>

chúng tôi cho rằng phù hợp và thể hiện yêu cầu xây dựng các chính sách thúc đẩy liên chính nghiên cứu: liên chính nghiên cứu là “quy trình thực hiện và báo cáo khoa học phù hợp với thông lệ được chấp nhận trong lĩnh vực ấy. Nó bao gồm việc tuân thủ các nguyên tắc và thực hành của tiêu chuẩn khoa học, giáo dục và cố vấn, bình duyệt và đưa nhận xét chuyên gia một cách không thiên vị, và truyền đạt các kết quả nghiên cứu tới cộng đồng khoa học”.

Vì sao lại nhất định phải bao gồm yếu tố thiết chế, chính sách vào định nghĩa “liên chính nghiên cứu”? Mặc dù việc tìm ra được nguyên nhân nào sẽ dẫn đến những hành vi bất chính trong nghiên cứu là gần như không thể, song không thể phủ nhận rằng “môi trường ảnh hưởng tới hành vi” là một trong những giả thuyết phổ biến nhất. Chẳng hạn, ở một môi trường cạnh tranh cao thì các giảng viên, nghiên cứu viên sẽ phải đấu tranh để có được tài trợ hoặc vị trí việc làm. Những cuộc chạy đua công bố, quy ước ngầm “xuất bản hay lụi tàn” đã trở thành nỗi lo sợ quen thuộc đối với nhiều người, từ đó tiềm ẩn biến thành động cơ đưa đẩy họ tới những việc làm sai phạm [3]. Việc thực hiện các nghiên cứu về tính liên chính mặc dù là khó song lại rất cần thiết, giống như trong một so sánh rằng: “Cố gắng điều tra nguyên nhân gây ra hành vi sai trái (trong liên chính nghiên cứu) cũng giống như việc cố gắng điều tra tại sao người ta lại phạm tội” [5]. Bởi, thông qua việc tìm hiểu lý do vì sao mà những hành vi bất chính lại diễn ra thì chúng ta có thể thay đổi các chính sách liên quan, từ đó thúc đẩy thay đổi các hành vi bất tuân.

Khi xác định ngoại diên của khái niệm “liên chính nghiên cứu”, để rõ ràng hơn, chúng ta có thể đặt nó trong so sánh với “đạo đức nghiên cứu”. “Đạo đức nghiên cứu” là một khái niệm khá rộng. Nó bao gồm (nhưng không phải chỉ bao gồm) những bộ nguyên tắc: không gây hại cho người khác, hữu ích, công bằng, và trung thực; Trong khi ấy, tính liên chính chỉ tập trung vào sự công bằng, chân thật, và tôn trọng công việc của những người khác [6, tr. 38]. Nếu như tính đạo đức của nghiên cứu có thể được hiểu cả ở cách chọn chủ đề và những phát hiện thì tính liên chính nằm ở phương pháp và quá trình

nghiên cứu [4]. Nói cách khác, đạo đức nghiên cứu nói về hành vi nghiên cứu được nhìn dưới góc độ của các nguyên tắc đạo đức, còn liên chính nghiên cứu được nhìn dưới góc độ các tiêu chuẩn chuyên nghiệp [7]. Chẳng hạn, nếu xét đến tính đạo đức của nghiên cứu thì người ta thường lưu tâm đến những nghiên cứu có khả năng rủi ro như: nghiên cứu có bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, có chủ đề nhạy cảm, có thể gây ra tâm trạng căng thẳng, lo lắng, bẽ mặt đối với khách thể nghiên cứu, sử dụng quan sát kín hoặc can thiệp cận thông tin được bảo mật [8, tr. 75]. Liên chính trong nghiên cứu được xét đến qua các chuẩn mực được bàn cụ thể hơn ở những phần sau.

Một vấn đề khác nữa liên quan đến khái niệm “liên chính nghiên cứu” (research integrity) đó là chúng ta cần phân biệt nó với “liên chính học thuật” (academic integrity). Mặc dù nghiên cứu học thuật (academic research) là một dạng nghiên cứu quan trọng, song nó không bao hàm hết mọi loại nghiên cứu. Sự khác biệt giữa nghiên cứu học thuật/cơ bản và nghiên cứu chuyên nghiệp/ứng dụng có thể xem thêm qua các bài viết như của PhD Assistance (2019) [9], Bentley, Gulbrandsen và Kyvik (2015) [10], hay Gulbrandsen and Kyvik (2010) [11]. Trong khi khái niệm “liên chính học thuật” tập trung vào những mảng vấn đề thuộc về học thuật như lấy công trình hay ý tưởng của người khác thành của mình, nộp công trình có thông tin bịa đặt, đánh giá các sản phẩm học thuật một cách công bằng; Thì khái niệm “liên chính nghiên cứu” mở rộng bàn tới những vấn đề như thu thập, xử lý, báo cáo dữ liệu, tôn trọng các quyền của người tham gia nghiên cứu, sử dụng đúng đắn các nguồn tài trợ [12, 13].

2. Lịch sử và yêu cầu thời đại của việc phát triển chính sách liên chính nghiên cứu

2.1. Thời điểm bắt đầu và sự phát triển trong chính sách thúc đẩy liên chính trên thế giới

Vào năm 1947, sau khi một loạt các thí nghiệm tàn ác của phát xít Đức trong thời kỳ những năm 1930, 1940 bị phơi bày và đẩy lên

các nghi vấn về đạo đức nghiên cứu, thì Bộ quy tắc ứng xử quốc tế đầu tiên về đạo đức nghiên cứu Nuremberg được ban hành [14]. Trong quá trình phát triển các Bộ quy tắc đạo đức và liên chính về sau, tư duy quản lý cũng đã được thay đổi và phát triển. Có ba thời kỳ mà Montgomery và Oliver (2009) [15] đã chỉ ra là bước ngoặt trong tư duy quản lý này: Giai đoạn trước năm 1975 (thời kỳ 1), giai đoạn 1975-1990 (thời kỳ 2) và giai đoạn kể từ sau năm 1990.

Logic chính của giai đoạn 1 đó là sự tuân theo “những tiêu chuẩn thực hành của khoa học”, chủ yếu xuất phát từ sự tự ý thức của mỗi cá nhân nhằm bảo vệ sự tự do tự quản của các nhà khoa học và không có nhiều hành động can thiệp cũng như khích lệ từ bên ngoài. Tới thời kỳ thứ 2 (1975-1990), logic của nó đã chuyển biến và nhiệm vụ chính của các chính sách đó là ngăn chặn các “vi phạm khoa học” như đạo văn, bịa đặt, bóp méo dữ liệu hay những hành vi sai lạc khác. Nếu như ở giai đoạn 1, cách quản lý chỉ xuất phát từ sự tự ý thức, thì tới giai đoạn 2 đã nhấn mạnh vào giám sát theo phương thức hành chính/quan liêu. Nhiều hoạt động giám sát chủ động được đề ra như xét duyệt, báo cáo, điều tra, trừng phạt. Các trường hợp bị đặt nghi vấn vi phạm được đưa ra công khai và đưa các trường đại học tới nguy cơ bị mất quỹ tài trợ của nhà nước khi xảy ra vi phạm. Thời kỳ thứ 3 (kể từ những năm 1990) tiếp tục có những thay đổi. Logic chính được chuyển sang mục tiêu thúc đẩy “liên chính nghiên cứu” thông qua sự truyền bá các chuẩn mực, ví dụ qua các báo cáo, tạp chí, hội thảo, hướng dẫn, tập huấn. Trong giai đoạn này, sự quản lý và phát triển tới từ sự hợp tác của nhiều bên như chính phủ, các trường đại học, các nhà khoa học, công đồng nghề nghiệp [15].

2.2. Bối cảnh của Việt Nam

Việt Nam hiện nay đã bắt đầu có những công bố liên quan tới các vấn đề liên chính và phi liên chính, ví dụ như việc các khái niệm dần được giới thiệu trong những bài tổng thuật [16, 17]. Mặc dù vậy, chủ yếu các bài viết này mới giới hạn trong vấn đề học thuật và số lượng các nghiên cứu bài bản còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, việc xử lý vi phạm một khi bị phát hiện dường

như cũng không rõ ràng hoặc thiếu tính răn đe [18].

Về thực trạng, các nghiên cứu gần đây cho thấy mức độ nghiêm trọng của hành vi và nhận thức sai lệch của sinh viên về liên chính nghiên cứu. Trong một phân tích dữ liệu Turnitin trên 252 mẫu nghiên cứu là các bài báo cáo thực tập của sinh viên cao đẳng, đại học, liên thông đại học ngành kế toán và quản trị, chỉ số tương đồng trung bình lên tới 47,5% (độ lệch chuẩn: 17,8) [19]. Ngay từ trong nhận thức, nghiên cứu [20] cho thấy sinh viên còn hiểu sai lệch về những hành vi liên chính và bất liên chính. Chẳng hạn, theo nghiên cứu này của nhóm tác giả Đặng Hùng Vũ, Nguyễn Thành Long, chỉ một số rất ít sinh viên (từ 3% đến 10%) coi các vi phạm như làm bài tập cá nhân chung, lấy bài giải, đề kiểm tra của lớp khác để chuẩn bị bài kiểm tra cho mình và nhờ người khác làm hộ bài tập về nhà là nghiêm trọng. Thậm chí hơn 1/5 số sinh viên còn cho rằng ba hành vi nói trên không phải là gian lận.

Đối với nhóm các nhà nghiên cứu, tác giả, tác giả Q. H. Vương (2018) [21] đã tìm ra bốn chiến lược mà họ thường sử dụng nhằm thu bé lại sai phạm của mình, bao gồm: i) Đề thời gian trôi qua, mọi người sẽ không còn chú ý tới nữa; ii) Hồ nghi nhưng hãy nhân hậu; iii) Định nghĩa lại “đạo đức”; và iv) Ngăn chặn người tố cáo bằng cách làm giảm uy tín của họ và chỉ cho công chúng thấy cuộc chiến với nạn vi phạm đạo đức nghiên cứu chỉ là một cuộc chiến lãng phí thời gian, tổn tiền của và chốt lại là vô giá trị.

Lý giải cho nguyên nhân của những sự vi phạm trên, đặc trưng văn hóa có thể là một lý do thường được đưa ra. Việt Nam là nước có nền văn hóa chịu ảnh hưởng bởi đạo Khổng, đề cao tính tập thể, sống cân bằng với các mối quan hệ xã hội. Vì thế, trên lý thuyết thì việc thay đổi một thói quen tiềm ẩn sự liên quan tới các mối quan hệ trong xã hội sẽ khá khó khăn. Chẳng hạn, Ballard và Clanchy [22] cho rằng các nền văn hóa châu Á dường như có thói quen đề nén tiếng nói của bản thân xuống tới mức họ thà sử dụng đúng từng từ của các danh nhân còn hơn dùng tiếng nói bản thân. Bởi thế, thay đổi những thói quen như trích nguồn cũng không phải là vấn đề

đơn giản. Theo tác giả Q. H. Vuong (2018) [21], không giống như các nước phương Tây theo chủ nghĩa cá nhân khi lỗi do một cá nhân gây ra sẽ là lỗi của chính cá nhân đó, thì ở nền văn hóa phương Đông, danh tiếng của một cá nhân chính là bộ mặt của cả tập thể chứ không phải chỉ của riêng cá nhân ấy; Bởi vậy, chỉ cần một cá nhân mất thể diện thì cả tập thể sẽ bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, phải chăng những quan điểm trên chỉ là một sự rập khuôn văn hóa? Ở đây, chúng tôi đưa ra hai luận điểm phản biện: i) Một là không chỉ các nước phương Đông chịu ảnh hưởng bởi đạo Khổng mới gặp phải sự phức tạp liên quan tới các mối quan hệ và thách thức các chuẩn mực của sự liêm chính. Các nước phương Tây cũng gặp vấn đề này; và ii) Hai là những nước chịu ảnh hưởng bởi đạo Khổng cũng có thể có những tiến bộ mạnh mẽ trong việc phát triển chính sách về liêm chính học thuật. Trung Quốc là một ví dụ điển hình.

Thứ nhất, rào cản trong việc giữ gìn tính liêm chính nghiên cứu đối với các nước phương Tây cũng có thể là các mối quan hệ. Lấy ví dụ, nghiên cứu của Gardner, Lidz, & Hartwig (2005) [23] chỉ ra rằng: Khoảng 1/6 trong số 549 tác giả thuộc lĩnh vực y học lâm sàng khi được hỏi cho biết rằng họ có biết về một vi phạm bịa đặt hoặc bóp méo trong vòng 10 năm qua. Tuy nhiên, có khoảng gần 1/3 (29%) trong số các tác giả này nói rằng các vi phạm mà họ biết chưa hề bị phát hiện ra. Có nghĩa là, có ít nhất bằng ấy số học giả đã không hề báo cáo các sai phạm. “Cấp bậc và mối quan hệ giữa các nhà nghiên cứu” chính là một trong những nguyên nhân khiến các học giả phương Tây đôi khi không báo cáo những sai phạm, theo nghiên cứu của Satalkar và Shaw [24] tại Thụy Sĩ vào năm 2018. Không chỉ nhóm học giả, đối với nhóm sinh viên phương Tây cũng vậy. Chẳng hạn, các yếu tố như áp lực đồng

lừa, tình bạn có thể có ảnh hưởng đến hành vi gian lận (bằng đạo văn) của họ [25, tr. 29-31].

Thứ hai, một ví dụ gần gũi về mặt văn hóa với Việt Nam đó là Trung Quốc. Cách đây khoảng 30 năm, vào những năm 1990, ở Trung Quốc mới dấy lên mối lo ngại về tính liêm chính trong khoa học sau một loạt scandal về đạo đức nghiên cứu, đặc biệt là đạo văn [26]. Tuy nhiên, sau đó khoảng 20 năm, mức độ đạo văn ở Trung Quốc chỉ còn ở mức khoảng 10%, theo như thống kê của Science Insider [27]. Đây là kết quả sau một loạt các hành động như: Các tổ chức chính phủ và phi chính phủ cộng tác để thành lập hội đồng liêm chính khoa học; Văn kiện đề nghị thành lập các tổ chức thúc đẩy đạo đức học thuật trong các cơ sở đại học được ban hành; Các chính sách hướng dẫn về liêm chính trong nghiên cứu, và các quy trình điều tra, điều chỉnh sai phạm được đưa ra,... Điều này cho thấy, mặc dù việc thay đổi những thói quen, nhận thức đã tồn tại nhiều năm trong giới nghiên cứu không phải là việc một sớm một chiều, song thời gian và hành động sẽ dần mang đến kết quả, kể cả ở phương Tây hay phương Đông. Điều quan trọng là cần có sự khởi đầu.

3. Những hành động liêm chính và bất liêm chính trong nghiên cứu

Có hai thái cực thường được nhắc tới khi nói về tính liêm chính nghiên cứu, đó là những hành vi tuân thủ và không tuân thủ. Đây là những hành vi nằm ở hai phía đối nghịch của một chiếc thước đo và nằm ở giữa là những thực hành nghiên cứu gây tranh cãi [7]. Bảng dưới đây thể hiện một số hoạt động cơ bản trong nghiên cứu, một số ví dụ về các hành động liêm chính và các hành vi vi phạm tính liêm chính nghiên cứu:

Bảng 1. Ví dụ về các hành vi liêm chính và bất liêm chính phổ biến trong hoạt động nghiên cứu

Ví dụ hành động liêm chính	Các bước nghiên cứu	Ví dụ hành vi sai trái
Quản lý xung đột lợi ích.	Tìm quỹ tài chính.	Gian lận tài chính, lạm dụng quỹ nghiên cứu.
Thiết kế nghiên cứu phù hợp, quy trình được thông qua.	Thiết kế nghiên cứu.	Thiết kế nghiên cứu yếu, phương pháp không phù hợp.

Thu thập dữ liệu đáng tin cậy; Thực hiện bốn phần chăm sóc.	Thực hiện nghiên cứu, thu thập dữ liệu.	Lạm dụng động vật thí nghiệm, vi phạm quy định trong tương tác với người tham gia nghiên cứu.
Đảm bảo tính chính xác và tránh sai lệch; Hướng dẫn các tiêu chí về dữ liệu nào nên được bao gồm hay loại trừ khỏi phân tích.	Phân tích, sử dụng dữ liệu.	Bịa đặt, thêm bớt dữ liệu; Lỗi trong phân tích, thực nghiệm, tính toán; Chọn lọc dữ liệu để loại trừ; Diễn giải sai dữ liệu để thu được kết quả mong muốn; Tạo ra dữ liệu sai hoặc kết quả dưới áp lực.
Trung thực trong truyền đạt Phê bình một cách khôn ngoan	Truyền đạt.	Thao túng hình ảnh trong công trình.
Có trách nhiệm trong phổ biến và công bố kết quả; Mở và có thể tiếp cận.	Quản lý dữ liệu - Lưu trữ, chia sẻ	Không lưu giữ hoặc lưu giữ dữ liệu thô/gốc hoặc lưu trữ kém, không đầy đủ; Từ chối chia sẻ tài liệu hoặc dữ liệu nghiên cứu.
Công bằng đối với những người khác.	Cung cấp danh mục tham khảo và ghi công; Phổ biến và xuất bản.	Đạo văn; Vi phạm quyền tác giả như: Khai tác giả không xứng đáng (tác giả “ma”, “khách mời” hay “quà tặng”, tác giả danh dự); Từ chối quyền tác giả đối với người cộng tác; Thêm tên tác giả dù không được cho phép; Không có tuyên bố/tiết lộ xung đột lợi ích; Ngăn chặn xuất bản phẩm của đối thủ một cách không công bằng; Xuất bản kiểu “lát cắt salami”.
Trách nhiệm trong hướng dẫn, tôn trọng đồng nghiệp.	Đối với các nhà nghiên cứu trong hiện tại và tương lai.	Giám sát kém sinh viên và nghiên cứu viên.; Áp lực “Xuất bản hay lụi tàn”.

Nguồn: Tổng hợp từ các bài thuyết trình trong Workshops về liêm chính nghiên cứu tại Đại học Tổng hợp Cork vào ngày 23 và 24 tháng 5 năm 2018 [28-32].

Nhìn chung, nổi bật nằm ở phía đầu của những hành vi tệ hại đó là bộ ba Bịa đặt (Fabrication), Bóp méo (Falsification) và Đạo văn (Plagiarism) (thường được gọi là nhóm FFP):

- “Bịa đặt”: là dựng lên các kết quả và ghi chép cứ như thể chúng thật sự tồn tại

- “Bóp méo”: là thao túng các tài liệu nghiên cứu, thiết bị hay quy trình, hoặc thay đổi, bỏ sót, hoặc lấp liếm dữ liệu, kết quả mà không có chú thích gì.

- “Đạo văn”: là sử dụng công trình và ý tưởng của người khác mà không ghi chú thích đáng nguồn gốc, từ đó vi phạm vào quyền tác giả gốc đối với sở hữu trí tuệ của họ.

Ngoài ra, còn nhiều hành vi không đứng đắn khác, gây tổn hại tới tính liêm chính của quá trình nghiên cứu. Chẳng hạn như:

- Các vi phạm liên quan tới các mối quan hệ xung quanh hoạt động nghiên cứu như: Thao túng quyền tác giả; Buộc tội một cách có dã tâm một nhà nghiên cứu đã có hành vi thiếu đứng đắn trong nghiên cứu; Để cho các nhà tài trợ gây nguy hại tới tính độc lập của quá trình nghiên cứu; Trì hoãn hay ngăn trở một cách không thích đáng công việc của của các nhà nghiên cứu khác; Lờ đi những vi phạm vào tính liêm chính trong nghiên cứu (nếu có) của những người khác hoặc che đậy cho những giải thích không thích đáng về các vi phạm của các thiết chế; Lạm dụng thâm niên để tạo điều kiện cho các vi phạm vào tính liêm chính nghiên cứu,...

- Các vi phạm trong báo cáo nghiên cứu như: Tự đạo văn; Trích dẫn một cách chọn lọc kết quả nghiên cứu nhằm gây chú ý hoặc để làm hài lòng biên tập viên, những người nhận xét hoặc đồng nghiệp; Giấu các kết quả nghiên cứu; Mở rộng

một cách không cần thiết danh mục tài liệu tham khảo của một nghiên cứu; Trình bày sai các thành tựu của nghiên cứu; Phóng đại tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của kết quả nghiên cứu; Thành lập hoặc ủng hộ các tạp chí phá hoại ngầm sự kiểm soát chất lượng các nghiên cứu (“các tạp chí săn mồi”),...

Bảng 2. Một số biện pháp nhằm đảm bảo liêm chính nghiên cứu

1. Minh bạch trong việc thực hiện nghiên cứu; Thay đổi quy trình trong việc làm nghiên cứu và phân tích dữ liệu.	7. Quản lý giám sát, kiểm tra dự án về mặt liêm chính nghiên cứu.
2. Đồng bộ trong việc báo cáo nghiên cứu.	8. Cân nhắc lại vấn đề áp lực công bố, xuất bản công trình.
3. Sự tự ý thức của mỗi cá nhân; Sự hướng dẫn và làm gương đối với học viên sau đại học và các học giả trẻ.	9. Tránh xung đột lợi ích (tránh vấn đề quan hệ).
4. Văn hóa liêm chính trong nhà trường và tại nơi làm việc.	10. Bảo vệ những người lên tiếng.
5. Xã hội hóa thời niên thiếu; Xã hội hóa khoa học.	11. Giao tiếp mở, Chính phủ mở.
6. Thúc đẩy, củng cố tính liêm chính và trừng phạt kịp thời các vi phạm.	

Nguồn: Tổng hợp từ các hướng giải pháp đề xuất bởi [3, 4, 26, 33].

Ngược lại, ví dụ về những hành vi tiêu chuẩn lý tưởng là: “Sự trung thực có tri thức trong đề xuất, thực hiện và báo cáo nghiên cứu; Tính chính xác trong công bố những đóng góp của đề cương và báo cáo nghiên cứu; Sự công bằng trong bình duyệt; Sự cộng tác trong tương tác khoa học, bao gồm: sự giao tiếp và chia sẻ các nguồn lực; Minh bạch trong các xung đột về lợi ích hay là các xung đột tiềm ẩn về lợi ích; Sự quan tâm của nhân loại đến các loài động vật trong việc làm nghiên cứu; Sự gắn kết trách nhiệm giữa những điều tra viên và nhóm nghiên cứu của họ (Viện Y khoa/ Hội đồng Nghiên cứu

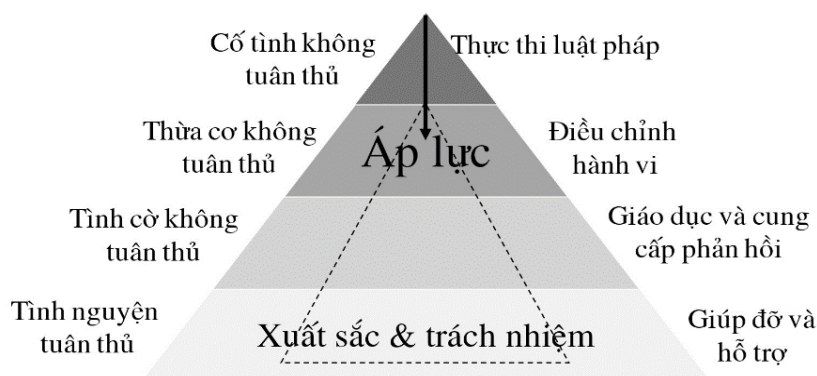
Quốc gia Hoa Kỳ 2002, trích theo [15]). Từ những giá trị tiêu chuẩn như trên, nhiều biện pháp đã được đề xuất nhằm bảo toàn tính liêm chính trong nghiên cứu.

4. Xây dựng chế tài cho các sai phạm trong liêm chính nghiên cứu

Kịp thời xử lý, sửa chữa mọi vi phạm bị phát hiện được coi là biện pháp đương nhiên phải có trong tất cả các đề xuất giải pháp. Ở Việt Nam, mặc dù hiện nay, một số tổ chức đã bắt đầu có những quy định về trách nhiệm liêm chính dành cho nhà nghiên cứu, song, những hướng dẫn này còn mờ và các hình thức xử phạt cũng như quy trình xử lý cũng chưa được rõ ràng (ví dụ, [34]). Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra một số gợi ý khung lý thuyết với hy vọng có thể giúp xây dựng được các chính sách xử lý chặt chẽ.

4.1. Lý thuyết áp dụng: điều chỉnh đáp ứng (Responsive regulatory theory)

Đây là lý thuyết đã được sử dụng bởi nhiều chuyên gia trong các lĩnh vực như sức khỏe và an toàn, dịch vụ xã hội và phúc lợi, môi trường, thông tin liên lạc và truyền thông, vận tải, tài chính và tập đoàn [35]. Lý thuyết này thường được vẽ trục quan thành các tháp phân tầng hoặc sơ đồ hóa thành các mức độ phản ứng khác nhau. Có 9 nguyên tắc mà các tháp thường tuân theo, chẳng hạn như: Suy nghĩ phù hợp bối cảnh; Lắng nghe tích cực; Thể hiện sự tôn trọng đối với cả những người đang kháng cự lại và tìm hiểu để cải thiện việc thiết kế các quy định; Khích lệ những người tuân thủ, ủng hộ sự đổi mới; Ra hiệu nhưng không đe dọa, các biện pháp trừng phạt có thể leo thang và đưa ra cảnh báo rằng biện pháp cuối cùng sẽ dữ dội và được sử dụng khi cần thiết như một giải pháp cuối cùng; Học hỏi, đánh giá các kết quả đạt được và truyền đạt các bài học kinh nghiệm [36]. Ngoài ra, “Điều chỉnh đáp ứng” cũng thường được xây dựng kết hợp với các lý thuyết về quản lý rủi ro.



Hình 1. Tổng hợp từ một số mô hình lý thuyết điều chỉnh - đáp ứng phổ biến. Nguồn: [3, 4, 26, 33].

Mô hình trên và các nội dung dưới đây là sự tổng hợp từ các tài liệu của các tổ chức khác nhau trong các lĩnh vực như quản lý nguồn nước, năng lượng sạch [37, 38], y tế và người cao tuổi [39], nội vụ [40]. Tùy thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà số lượng thang bậc trong một mô hình chính sách xây dựng dựa trên lý thuyết điều chỉnh đáp ứng có thể thay đổi, thường gặp nhất là thang 4 bậc. Bậc đầu tiên sát với phân đáy, có thể coi như là đường kẻ vạch đạo đức - thể hiện xuất sắc tính trách nhiệm. Càng những bậc cao thì áp lực kiểm soát và trừng phạt càng cao. Đối với những thái độ tuân thủ sự liêm chính ở các mức độ khác nhau thì cơ quan quản lý sẽ có những phản ứng tương ứng:

- Bậc thứ nhất: người nghiên cứu tình nguyện tuân thủ - Chính sách quản lý giúp đỡ và hỗ trợ.

Ở bậc này, người nghiên cứu sẵn sàng cam kết làm điều đúng đắn. Đây thường là dấu hiệu của một môi trường quản lý hiệu quả theo định hướng tuân thủ. Lúc này, nhiệm vụ của hệ thống quản lý đó là làm cho việc tuân thủ trở nên đơn giản và dễ hiểu nhất có thể. Nói cách khác, giáo dục, hướng dẫn và cho lời khuyên là những định hướng hành động chính sách đối với nhóm người tự nguyện tuân thủ các quy tắc liêm chính. Các cơ quan quản lý cần: i) Công bố hướng dẫn để giúp người nghiên cứu hiểu rõ nghĩa vụ của mình; ii) Tạo cơ hội cho họ đặt câu hỏi, chia sẻ về những vấn đề quan tâm trên các diễn đàn giáo dục và thảo luận trực tiếp và trực tuyến; và iii)

Thực hiện các nghiên cứu, đánh giá chủ động nhằm tìm hiểu khả năng tuân thủ các quy định về tính liêm chính. Các nhà nghiên cứu khi đã được cung cấp đầy đủ thông tin để có thể tự mình đánh giá mức độ tuân thủ thì họ cần có tuyên bố, cam kết về tính liêm chính của công trình.

- Bậc thứ hai: người nghiên cứu tình cờ không tuân thủ - Chính sách quản lý giáo dục và cung cấp phản hồi.

Ở bậc này, người nghiên cứu muốn tuân thủ nhưng không phải lúc nào cũng thành công. Việc đã có sự cam kết, song có lúc tuân thủ có lúc không, có thể là dấu hiệu của một hệ thống quản lý theo định hướng tuân thủ nhưng thiếu năng lực, kém hiệu quả. Ví dụ, người nghiên cứu có thể đã có ý thức tự phát triển một hệ thống tuân thủ tính liêm chính của mình, song chưa được cung cấp đầy đủ thông tin về các chỉ báo. Lúc này, nhiệm vụ của hệ thống quản lý đó là hỗ trợ, giúp nhà nghiên cứu tuân thủ. Một số nhóm đối tượng sẽ được các nhà quản lý xác định là mục tiêu để cung cấp hướng dẫn bổ sung như các thông tin, form mẫu, quy tắc thực hành,... Khi có vẻ phát hiện một sự không tuân thủ, cơ quan quản lý sẽ cung cấp cho các bên liên quan cơ hội để phản hồi. Khi có vấn đề phát sinh thì cơ quan quản lý cần phản hồi, hoặc đàm phán và thuyết phục nếu cần.

- Bậc thứ ba: người nghiên cứu thừa cơ không tuân thủ - Chính sách quản lý điều chỉnh hành vi.

Ở bậc này, người nghiên cứu không muốn tuân thủ, không muốn cam kết hoặc kháng cự. Họ chỉ tuân thủ khi bị bắt buộc phải thực hiện do bị đê ý. Đây là kết quả của một trong các trường hợp: một là bản thân chủ thể đã muốn kháng lại sự tuân thủ. Họ thiếu các dấu hiệu về ý định tự tuân thủ, không có chỉ báo gì nhằm đảm bảo sự tuân thủ của bản thân. Hai là hệ thống quản lý không theo định hướng tuân thủ hoặc yếu kém. Nhiệm vụ của hệ thống quản lý lúc này đó là ngăn chặn hành vi không tuân thủ thông qua phát hiện, chẳng hạn qua kiểm toán, thanh tra, mật báo, tố cáo, khai phá dữ liệu. Sau đó, cơ quan quản lý sẽ phản hồi những hành vi không tuân thủ bị phát hiện này theo mức độ nghiêm trọng. Những sự vi phạm có tác động nghiêm trọng sẽ được xử lý tương ứng. Một số gợi ý cho các mức độ xử lý khác nhau đó là: đưa ra thông báo vi phạm (riêng tư hoặc công khai), chấp nhận các cam kết có thể thực hiện được, phạt hành chính, đình chỉ tạm thời hoặc thu hồi (chứng chỉ, bằng, quyết định, kết quả).

- Bậc thứ tư: người nghiên cứu cố tình không tuân thủ - Chính sách quản lý thực thi luật pháp.

Ở bậc này, người nghiên cứu chủ tâm không muốn tuân thủ, cố ý sơ suất, hoặc trong chính sách không có hệ thống tuân thủ. Lúc này, trước các ý định thực hiện hành vi bất hợp pháp, phạm tội hoặc gian lận, cơ quan quản lý sẽ mở cuộc điều tra, theo dõi hành động dân sự hoặc chuyển bất kỳ trường hợp liên quan nào đến các cơ quan truy tố hình sự.

Ngoài các hình thức xử phạt được liệt kê trong quy định của Trường Leicester, chúng ta cũng có thể tham khảo nhiều hình thức xử phạt khác và xếp loại chúng vào các mức độ phù hợp như: Tư vấn; Đình chỉ, thử thách (sinh viên có thể không được phép tham gia các hoạt động ngoại khóa chính thức hoặc không được tham gia vào các tổ chức cán bộ sinh viên,...); Bị đặt vào nhóm nhân vật không được hoan nghênh; Yêu cầu không được tiếp xúc (chẳng hạn với sinh viên mà họ có thể gây khó dễ); Phạt tiền; Viết thư xin lỗi;... [41].

4.2. Áp dụng mô hình lý thuyết vào xây dựng chế tài chống đạo văn: chính sách của đại học Leicester (Anh quốc)

Ở mục này, chúng ta có thể lấy ví dụ từ chính sách của Đại học Leicester cho việc đạo văn [42]. Việc chọn mô hình chính sách của Trường Đại học này chủ yếu bởi đây sẽ là một minh họa rõ ràng, giúp người đọc có thể hình dung ra được mô hình lý thuyết điều chỉnh đáp ứng khi được áp dụng vào giải quyết các vấn đề cụ thể thuộc một môi trường thực tế cụ thể. Về cơ bản, tất cả các Trường Đại học có chất lượng thì đều có chính sách xử phạt vi phạm việc đạo văn. Tuy nhiên, một số Trường chỉ có gợi ý về hình thức xử phạt mà thiếu hướng dẫn về áp dụng các hình thức ấy như thế nào (ví dụ, [43, 44]). Một số Trường Đại học khác thì có chế tài xử phạt được sắp xếp theo sự tăng tiến của mức độ nghiêm trọng như [45, 46]. Song, trong quy định của các Trường này, sự leo thang trong việc xử phạt tương xứng với từng mức độ vi phạm không được hướng dẫn chi tiết, và dẫn tới việc thực hiện có khả năng không được rõ ràng, hệ thống như Đại học Leicester.

Trước hết, các Trường Leicester xác định các lỗi cụ thể sinh viên hay mắc thuộc vào đạo văn, chẳng hạn như chép nguyên văn, chép ý tưởng, trích nguồn sai quy định, thông đồng. Mức độ vi phạm sẽ được chia thành các bậc khác nhau, tùy theo mức độ chủ ý của người vi phạm. Bên cạnh đó, các hệ quả và xác suất xuất hiện rủi ro vi phạm tuân thủ (compliance risk) cũng cần được tính đến. Trong đó, hệ quả ảnh hưởng tới tổ chức có thể ở các mặt: pháp luật, tài chính, công việc, uy tín [47] và xác suất xuất hiện rủi ro thì liên quan chặt chẽ tới tần suất vi phạm. Quy định kỷ luật của Trường Leicester được tóm tắt dưới đây:

i) Bậc 1: người nghiên cứu mới hoặc hệ quả tác động nhỏ và vi phạm lần đầu;

Trường hợp này bao gồm những người nghiên cứu có kỹ năng học thuật còn kém như sinh viên năm thứ nhất lần đầu vi phạm hoặc khi chỗ bị copy và cộng tác cùng sinh viên khác rất ít, không đáng phạt (được quy định chi tiết). Ở mức độ này, Nhà trường có đưa ra cảnh báo

chính thức song không có xử phạt, sinh viên được yêu cầu tham gia vào khóa học online về đạo văn, điểm của môn học đó cũng dễ bị thấp;

ii) Bậc 2: trường hợp này bao gồm các trường hợp ở bậc 1, song tỉ trọng sao chép tài liệu hoặc cộng tác làm bài nhiều hơn (ở nhiều đoạn văn). Trường hợp này, bài tập của sinh viên nên được điểm 0 (điểm tổng kết môn nên bị giảm trên 10%) và nếu bị trượt môn vì bài tập này thì bắt buộc phải làm lại bài khác để nộp;

iii) Bậc 3: trường hợp đã từng mắc lỗi ở bậc 1 hoặc 2 mà vẫn tiếp tục vi phạm. Nếu có lý do chính đáng giải thích cho việc vi phạm thì có thể xử lý việc tái phạm này như ở bậc 1 hoặc 2. Nếu cả hai lỗi đều thuộc bậc 1 thì hình phạt của lỗi thứ hai là hình phạt của bậc 2. Nếu một trong hai hành vi vi phạm thuộc bậc 2 thì hình phạt của lần vi phạm này sẽ thuộc bậc 3. Hình phạt bậc 3 như sau: Bài tập sẽ bị 0 điểm. Sinh viên được nộp lại bài khác trong trường hợp đây là môn tiên quyết, sinh viên cần có tín chỉ môn này để tiếp tục chương trình học. Nếu hình phạt này không làm giảm một mức trong xếp loại tốt nghiệp của sinh viên khi kết thúc chương trình, thì hạng xếp loại này phải nên giảm một. Trong trường hợp việc giảm hạng cấp bằng sẽ dẫn đến việc sinh viên không lấy được bằng loại ưu hoặc không lấy được bằng thì các trường hợp này sẽ được xem xét bởi hội đồng kỷ luật;

iv) Bậc 4: nếu như các lỗi từ bậc 1 tới bậc 3 được xem xét bởi các Nhân viên giám sát đạo văn của các Khoa thì mức độ 4 là các lỗi nặng, ví dụ mua bán, xin xỏ sản phẩm làm việc, hoặc lập đi lập lại các vi phạm. Lúc này, Khoa không nên tự mình xử lý mà nên giao cho hội đồng xét kỷ luật của Trường. Hội đồng kỷ luật có thể quyết định các mức phạt, bao gồm cả hình thức cho thôi học.

Như vậy, chúng ta thấy mặc dù mọi vi phạm vào tính liêm chính đều nên bị phạt hoặc chính đốn [48], tuy nhiên có thể sắp xếp chúng vào các mức độ khác nhau. Ở thang chế tài xử phạt của Trường Leicester, bậc 1 tập trung vào sự giáo dục, cung cấp thông tin thay vì trừng phạt. Bậc 2 và 3 có sự đàm phán, phản hồi và xem xét trong bối cảnh vi phạm. Lắng nghe một cách tích cực

cũng là một nhiệm vụ để giúp cải tiến quy trình nghiên cứu. Chẳng hạn, nếu như không có đủ thời gian cần thiết để làm bài tập thì sinh viên có khả năng sẽ bị đẩy vào tình thế đạo văn và gian lận, theo kết quả từ các nghiên cứu của Locastro và Masuko và nghiên cứu của Franklyn-Stokes và Newstead (theo trích dẫn của Pecorari, 2013) [25]. Cuối cùng là bậc 4, bao gồm những hình phạt có tính chất răn đe. Tương tự, từ mô hình này mà chúng ta có thể đề ra những phương án nhằm xử lý các vấn đề khác vi phạm tính liêm chính nghiên cứu.

5. Kết luận

Mặc dù chúng ta thường coi bản thân là một đất nước nhỏ bé, song trên thực tế, thế giới vẫn luôn dõi theo và đánh giá mức độ uy tín của chúng ta. Cảnh báo màu đỏ gạch của Việt Nam trên bản đồ đạo văn vòng quanh thế giới [27] là một ví dụ. Bất tự động arXiv đã nhận diện tần suất đạo văn của các tác giả Việt Nam qua những bài công bố quốc tế (nộp qua máy chủ arXiv) rơi vào xung quanh khoảng 15%. Màu sắc khá nổi bật này cho thấy Việt Nam về cơ bản là một điểm “nóng” của tình trạng đạo văn khi so sánh với các nước khác. Một ví dụ khác là loạt bài viết trên trang blog retractionwatch.com về các tác giả Việt Nam bị gỡ bỏ, người trước đó đã từng bị gỡ bài do đạo văn một bài tạp chí vốn cũng đạo văn” [49], “Nghiên cứu hen suyễn bị gỡ mạnh do các vi phạm đạo đức nghiêm trọng” [50]. Rõ ràng là, nếu muốn xây dựng danh tiếng cho khoa học Việt Nam thì đã đến lúc chúng ta cần thay đổi. Không có một lý do nào để bao biện cho việc không thể triển khai sâu rộng các chính sách thúc đẩy liêm chính nghiên cứu, kể cả những lý do về rào cản văn hóa.

Cho tới nay, số lượng các công trình nghiên cứu về liêm chính nghiên cứu ở Việt Nam còn rất ít, đặc biệt khi so sánh với số lượng nghiên cứu và bài viết dày đặc của thế giới trên cùng chủ đề. Chúng ta cũng cần nỗ lực hơn nữa trong việc phát triển các chính sách thúc đẩy tính liêm chính nghiên cứu. Bởi thế, bài viết này nhằm để đóng

góp xây dựng nhận thức về tính liêm chính nghiên cứu thông qua tổng thuật các khía cạnh cơ bản và quan trọng của nó.

Thứ hai là, để góp phần xây dựng những chính sách thưởng, phạt một cách bài bản, chúng tôi đưa ra gợi ý về khung lý thuyết Điều chỉnh đáp ứng. Trong giới hạn của một bài tạp chí, chúng tôi chỉ mới có thể lấy ví dụ cho chính sách chống đạo văn, song đây là khung lý thuyết đã được sử dụng trong nhiều tổ chức, trên nhiều lĩnh vực. Do vậy, nó có tiềm năng lớn sẽ phù hợp cả với những chính sách xây dựng chế tài cho các hành vi bất liêm chính khác.

Trong rất nhiều chính sách của các trường đại học, chính sách của Trường Leicester rất phù hợp với khung lý thuyết điều chỉnh đáp ứng, bởi thế nó được giới thiệu như một sự áp dụng vào thực tế của lý thuyết này. Nó giúp Nhà trường có thể đưa ra một hướng dẫn cụ thể cho nhân viên xử lý, giúp tránh đi sự lúng túng cũng như bớt đi tính chủ quan, thiên kiến trong xử phạt. Sinh viên cũng có thể nhìn thấy các cảnh báo rõ ràng từ đây nhằm tránh thực hiện hành vi vi phạm.

Cần nhấn mạnh rằng, chế tài xử phạt chỉ là một biện pháp nằm trong số tổng hòa rất nhiều giải pháp để phòng và chống đạo văn trong các cơ sở giáo dục phương Tây. Như một giảng viên Việt Nam đã nhận xét, “Trường Tây: không khí chống đạo văn trong từng ngõ ngách” [51]. Một mình nó không tạo ra hiệu quả. Một nghiên cứu đã cho thấy rằng “chính sách chủ yếu làm thay đổi hành vi, không ảnh hưởng đáng kể nhận thức mức nghiêm trọng của hành vi”: sinh viên Việt Nam mặc dù ít vi phạm học thuật đi khi họ nhận thức được sự nghiêm khắc của giáo viên trong xử lý gian lận học thuật, song một số lại tìm cách đối phó bằng cách nhờ người khác làm hộ bài tập về nhà [20]. Như vậy, giáo dục liên tục về nhận thức là trách nhiệm đầu tiên và quan trọng không kém gì xây dựng các chế tài thưởng/phạt.

Lời cảm ơn

Bài báo này dành tặng những con người đã giúp đỡ tôi trong suốt những năm tháng học tại

Trường Đại học Tổng hợp Cork (University College Cork), Ireland.

Tài liệu tham khảo

- [1] M. Monga, Integrity and Its Antecedent: A Unified Conceptual Framework of Integrity, *The Journal of Developing Areas*, Vol. 50, No. 5, 2016, pp. 415-421.
- [2] T. Maak, Undivided Corporate Responsibility: Towards a Theory of Corporate Integrity, *Journal of Business Ethics*, Vol. 82, No. 2, 2008, pp. 353-368.
- [3] T. Khanyile, S. Duma, L. Fakude et al., Research integrity and Misconduct: A Clarification of the Concepts, *Curationis*, Vol. 29, No. 1, 2006, pp. 40-45.
- [4] P. A. Bolton, *Scientific Ethics. Washington Research Evaluation Network's (WREN) Management Benchmark Study*, Washington, DC, 2002.
- [5] EMBO Reports, to Serve and Protect Research Integrity: An Interview with David Wright, Director of the US Office of Research Integrity, *European Molecular Biology Organization*, Vol. 13, No. 6, 2012, pp. 484-486.
- [6] A. J. Onwuegbuzie, R. Frels, *7 Steps to a Comprehensive Literature Review: A Multimodal & Cultural Approach*, London, SAGE Publications, 2016.
- [7] N. H. Steneck, Fostering Integrity in Research: Definitions, Current Knowledge, and Future Directions, *Science and Engineering Ethics*, Vol. 12, 2006, pp. 53-74.
- [8] D. E. Gray, *Doing Research in the Real World*, London, SAGE Publications, 2018.
- [9] PhD Assistance, What is the Difference between Academic Research and Professional Research? Available at: <https://www.phdassistance.com/blog/what-is-the-difference-between-academic-research-and-professional-research/>, 2019 (accessed on: August 28th, 2021).
- [10] P. J. Bentley, M. Gulbrandsen, S. Kyvik, The Relationship between Basic and Applied Research in Universities, *Higher Education*, Vol. 70, No. 4, 2015, pp. 689-709.
- [11] M. Gulbrandsen, S. Kyvik, Are the Concepts Basic Research, Applied Research and Experimental Development Still Useful? An Empirical Investigation Among Norwegian Academics,

- Science and Public Policy, Vol. 37, No. 5, 2010, pp. 343-53.
- [12] Department of Sociology, Academic and Research Integrity, University of Toronto, <https://sociology.utoronto.ca/academic-and-research-integrity/> (accessed on: August 28th, 2021).
- [13] C. Lee, What is the Difference between Academic Integrity and Plagiarism? Turnitin. Available at: <https://www.turnitin.com/blog/what-is-the-difference-between-academic-integrity-and-plagiarism> (accessed on: August 28th, 2021).
- [14] F. Thiele, Research Conduct: Ethical Codes, International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences, 2001, pp. 13224-13227.
- [15] K. Montgomery, A. L. Oliver, Shifts in Guidelines for Ethical Scientific Conduct: How Public and Private Organizations Create and Change Norms of Research Integrity, Social Studies of Science, Vol. 39, No. 1, 2009, pp. 137-155.
- [16] V. C. Giao, Academic integrity: Theory, Practice and Requirements for the World and for Vietnam, Journal of Legislative Studies, Vol. 6, No. 358, 2018, pp. 3-6 (in Vietnamese).
- [17] N. T. Nga, H. T. Trang, Implementing Scientific Research Integrity in Vietnam Today: Status Quo and Solutions. Online Communist Review, [https://www.tapchiconsan.org.vn/en_US/web/guest/nghien-cu/-/2018/815422/view_content#/,](https://www.tapchiconsan.org.vn/en_US/web/guest/nghien-cu/-/2018/815422/view_content#/) 2019 (accessed on: October 14th, 2021) (in Vietnamese).
- [18] N. Thao, Plagiarism Detected, but then just a Pat Is Given on their Back, VietNamNet, <https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/nguoi-thay/dao-van-o-viet-nam-da-den-luc-noi-chuyen-nghiem-tuc-435312.html/>, 2018 (accessed on October 14th, 2021) (in Vietnamese).
- [19] T. T. Ut, H. Thanh, N. T. T. Hoa, Academic Integrity in the Career of Planting People, Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, Vol. 2, No. 80, 2016, pp. 54-61 (in Vietnamese).
- [20] D. H. Vu, N. T. Long, An Evaluation of Student's Academic Integrity by Their Perception on Academic Environment and Dishonesty Behaviours, Ho Chi Minh City Open University Journal of Science, Vol. 16, No. 1, 2020, pp. 46-63 (in Vietnamese).
- [21] Q. H. Vuong, How did Researchers Get it so Wrong?' The Acute Problem of Plagiarism in Vietnamese Social Sciences and Humanities, European Science Editing, Vol. 44, No. 3, 2018, pp. 56-58.
- [22] A. Wearing, H. Le, R. Wilson et al., The International Student's Experience: An Exploratory Study of Students from Vietnam, The International Education Journal: Comparative Perspectives, Vol. 14, No. 1, 2015, pp. 71-89.
- [23] W. Gardner, C. W. Lidz, K. C. Hartwig, Authors' Reports about Research Integrity Problems in Clinical Trials, Contemporary Clinical Trials, Vol. 26, 2005, pp. 244-251.
- [24] P. Satalkar, D. Shaw, Is Failure to Raise Concerns about Misconduct a Breach of Integrity? Researchers' Reflections on Reporting Misconduct, Accountability in Research, Vol. 25, No. 6, 2018, pp. 311-339.
- [25] D. Pecorari, Teaching to Avoid Plagiarism: How to Promote Good Source Use, Berkshire, Open University Press, 2013.
- [26] W. Zeng, D. Resnik, Research Integrity in China: Problems and Prospects, Developing World Bioethics, Vol. 10, No. 3, 2010, pp. 164-171.
- [27] T. Amirtha, A Map of Scientific Plagiarism around the World, Fast Company, 2014.
- [28] J. McCarthy, What PhD Students Need to Know about Research Integrity, University College Cork, Research Integrity Workshops, 2018.
- [29] M. Leane, M. Murphy, Human Subjects in Research. University College Cork, Research Integrity Workshops, 2018.
- [30] E. Ó. Carragáin, F. A. I. R. Data Management. University College Cork, Research Integrity Workshops, 2018.
- [31] K. Furman, What is Research Ethics and Why does it Matter? University College Cork, Research Integrity Workshops, 2018.
- [32] A. Kelly, Good Practice in Authoring and Publishing. University College Cork, Research Integrity Workshops, 2018.
- [33] D. M. Gorman, A. D. Elkins, M. A. Lawley, Systems Approach to Understanding and Improving Research Integrity, Science and Engineering Ethics, 2017.
- [34] Vietnam National University, Hanoi, Citation Guidelines for Scientific Publications in Vietnam National University, Hanoi, 2017 (in Vietnamese).
- [35] M. Ivec, V. Braithwaite, Applications of Responsive Regulatory Theory in Australia and Overseas: Update, Canberra, Regulatory Institutions Network, Australian National University, 2015.
- [36] J. Braithwaite, The Essence of Responsive Regulation, UBC Law Review, Vol. 44, No. 3, 2011, pp. 475-520.

- [37] The Murray-Darling Basin Authority, A. G. MDBA Compliance Strategy, <https://www.mdba.gov.au/sites/default/files/pubs/MDBA-Compliance-Strategy-Nov-2014.pdf>/ 2014 (accessed on: August 29th, 2021).
- [38] Clean Energy Regulator, A. G. Compliance Policy for Education, Monitoring and Enforcement Activities, <http://www.cleanenergyregulator.gov.au/DocumentAssets/Documents/Compliance-policy-for-education,-monitoring-and-enforcement-activities.pdf>/, 2019 (accessed on: August 29th, 2021).
- [39] Department of Health and Ageing, A. G. Regulatory Compliance Framework, Canberra, TGA Health Safety Regulation, 2013, pp. 1-10.
- [40] The Department of Internal Affairs, N. Z. G. Minimising Harm - Maximising Benefit: The Department of Internal Affairs' Approach to Compliance & Enforcement, 2012.
- [41] Kent State University, Administrative Policy Regarding Student Cheating and Plagiarism, <https://www.kent.edu/policyreg/administrative-policy-regarding-student-cheating-and-plagiarism/>, 2015 (accessed on: October 15th, 2021).
- [42] University of Leicester. Senate Regulation 11: Regulations Governing Student Discipline., <https://www2.le.ac.uk/offices/sas2/regulations/documents/Senatereg11-discipline.pdf>/ (accessed on: October 21st, 2018)
- [43] Washington University in St. Louis, Undergraduate Student Academic Integrity Policy, <https://wustl.edu/about/compliance-policies/academic-policies/undergraduate-student-academic-integrity-policy/>, 2014 (accessed on: October 15th, 2021).
- [44] The Ohio State University, Policies, <https://fye.osu.edu/PDF/Orientation/policies.pdf>/ (accessed on: October 15th, 2021).
- [45] The Pennsylvania State University, Sanctioning Guidelines for Violations of Academic Integrity, <https://undergrad.psu.edu/aappm/sanctioning-guidelines.html>/ (accessed on: October 15th, 2021).
- [46] University of Northern Iowa, Student Academic Ethics Policy, <https://policies.uni.edu/301/>, (accessed on: October 15th, 2021).
- [47] Deloitte, Compliance Risk Assessments the Third Ingredient in a World-class Ethics and Compliance Program, 2014 Compliance Trends Survey, 2014.
- [48] D. M. Shaw, T. C. Erren, Ten Simple Rules for Protecting Research Integrity, PLOS Computational Biology, Vol. 11, No. 10, 2015, pp. e1004388.
- [49] I. Oransky, Three More Retractions for Vietnamese Physicists Who Plagiarized a Plagiarized Paper, <https://retractionwatch.com/2012/05/25/three-more-retractions-for-vietnamese-physicists-who-plagiarized-a-plagiarized-paper/> (accessed on: October 29th, 2018).
- [50] C. Ferguson, Asthma Study Yanked for Serious Ethical Violations, <https://retractionwatch.com/2014/10/13/asthma-study-yanked-for-serious-ethical-violations/> (accessed on: October 29th, 2018).
- [51] N. Thao, Anti-plagiarism: "Nobody Told the Students!" VietNamNet, <https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/khoa-hoc/sinh-vien-viet-nam-y-thuc-chong-dao-van-gan-nhu-bang-0-435116.html>, (accessed on: October 14th, 2021) (in Vietnamese).